

Market Today: Thặng dư thương mại đạt mức 7.4 tỷ USD

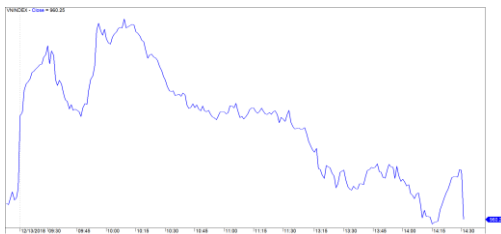
13/12/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

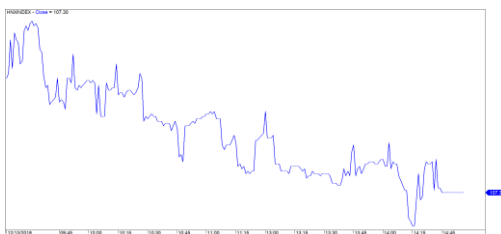
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	960.25	107.30	53.87
% ngày	-0.11%	-0.35%	0.52%
% tuần	0.57%	0.19%	0.97%
% tháng	5.76%	4.71%	4.68%
% năm	3.88%	-2.85%	-0.52%
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,775	607	286
TB 1 tuần	4,326	519	279
TB 1 tháng	3,746	517	285
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	788.76	45.67	43.54
Bán	829.05	20.32	13.30
Giá trị ròng	(40.29)	25.35	30.24
Độ rộng TT			
Mã Tăng	143	52	164
Mã Giảm	142	84	73
Không Đổi	93	244	600
Chỉ số chính			
P/E	16.6x	9.8x	15.6x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,101	147	951
LS Cổ tức	2.18%	3.77%	3.57%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



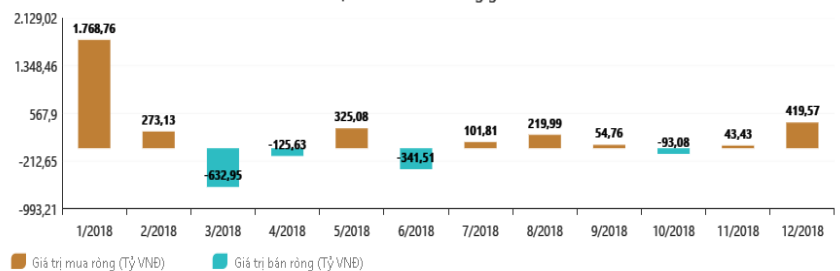
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Việt Nam lại có những diễn biến trái chiều với thị trường chung trong khu vực khi đa số các thị trường phủ sắc xanh và tăng điểm khá tốt trong phiên đặc biệt là thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia ... Chỉ số VN-Index đạt mức 960 điểm, giảm nhẹ 0.11% so với mức tham chiếu. Chỉ số HNX-Index cũng giảm 0.35% và chốt cuối phiên tại 107.3 điểm. Chỉ số Upcom-Index vẫn giữ vững sắc xanh trong suốt phiên và đóng cửa tại mức 53.8 điểm tăng 0.52%.

Thanh khoản trong phiên lại sụt giảm mạnh trong phiên, đối với sàn HSX thanh khoản giảm hơn 1,000 tỷ so với phiên trước và tổng giá trị giao dịch của cả 3 sàn đạt 4,600 tỷ đồng. Những cổ phiếu dòng ngân hàng là nguyên nhân chính khiến chỉ số sụt giảm mạnh vào cuối phiên như các mã vốn hóa lớn như VCB, CTG, BID, ACB, SHB...

Lượng mua bán ròng của khối ngoại vẫn giữ vững trong khi nhà đầu tư nội có sự sụt giảm thanh khoản và khối ngoại cũng tiếp tục mua ròng thêm hơn 15 tỷ đồng. Lượng mua ròng tập trung chính ở sàn HNX và Upcom và những mã được mua ròng lớn như PVS, CEO, VEA. Chứng chỉ quỹ E1VFN30 vẫn là mã được khối ngoại đổ dòng tiền vào với tổng giá trị mua ròng lũy kế trong tháng 12/2018 tới hiện tại là 420 tỷ đồng.

Giao dịch NĐTNN 12 tháng gần nhất



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực điều chỉnh trong phiên tới khi các chỉ số đang gặp khó khăn trước ngưỡng kháng cự trung bình 50 ngày. Theo mô hình giá, đồ thị giá của chỉ số VN30 có thể sẽ đối mặt với áp lực điều chỉnh, đặc biệt các chỉ báo xung lượng đang suy yếu cho thấy thị trường sẽ bước vào giai đoạn tích lũy và biến động hẹp. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là mua và nắm giữ.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức cắt lỗ ở mức 937.19 điểm của chỉ số VN-Index và 103.86 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi và gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu ở các nhịp điều chỉnh.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 67% cổ phiếu/33% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

NOTES

Kim ngạch xuất khẩu lũy kế trong 11 tháng 2018 đạt 7.4 tỷ USD tăng gấp 2.95 lần so với cùng kỳ 2017

Số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 11/2018 (từ ngày 16/11 đến 30/11/2018) đạt 21.64 tỷ USD, giảm nhẹ 0.2% (tương ứng giảm 35 triệu USD) so với kết quả thực hiện trong nửa đầu tháng 11/2018. Kết quả đạt được trong nửa cuối tháng 11/2018 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước trong 11 tháng/2018 đạt 440.04 tỷ USD, tăng 13.3%, tương ứng tăng 51.76 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2017.

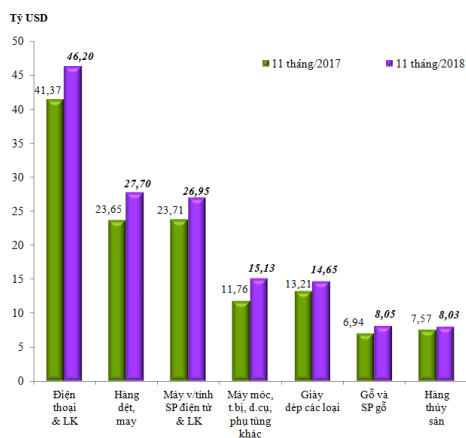
Trong đó, tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 288,51 tỷ USD, tăng 13.2% (tương ứng tăng 33.76 tỷ USD); trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước là 151.53 tỷ USD, tăng 13.5% (tương ứng tăng 18 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2017. Trong kỳ 2 tháng 11 năm 2018, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 0.64 tỷ USD, qua đó đưa mức thặng dư của cả nước trong 11 tháng qua lên 7.41 tỷ USD.

Kim ngạch XNK lũy kế năm 2017 và 11 tháng 2018 (triệu USD)

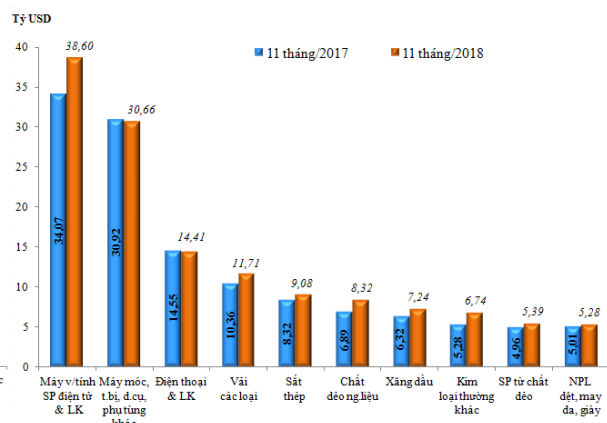


- **Về nhập khẩu:** tổng trị giá hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 11/2018 đạt 10.5 tỷ USD, giảm 4.9% (tương ứng giảm 545 triệu USD về số tuyệt đối) so với kết quả thực hiện trong nửa đầu tháng 11/2018. Như vậy, tính đến hết tháng 11/2018, tổng trị giá nhập khẩu của cả nước đạt 216.31 tỷ USD, tăng 12.1% (tương ứng tăng 23.43 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2017
- **Về xuất khẩu:** Tổng trị giá hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam trong kỳ 2 tháng 11/2018 đạt 11.14 tỷ USD, tăng 4.8% (tương ứng tăng 510 triệu USD về số tuyệt đối) so với kỳ 1 tháng 11/2018. Như vậy, tính đến hết tháng 11 năm 2018, tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt 223.72 tỷ USD, tăng 14.5% tương ứng tăng 28.33 tỷ USD so với cùng thời gian năm 2017

10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất



10 nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất

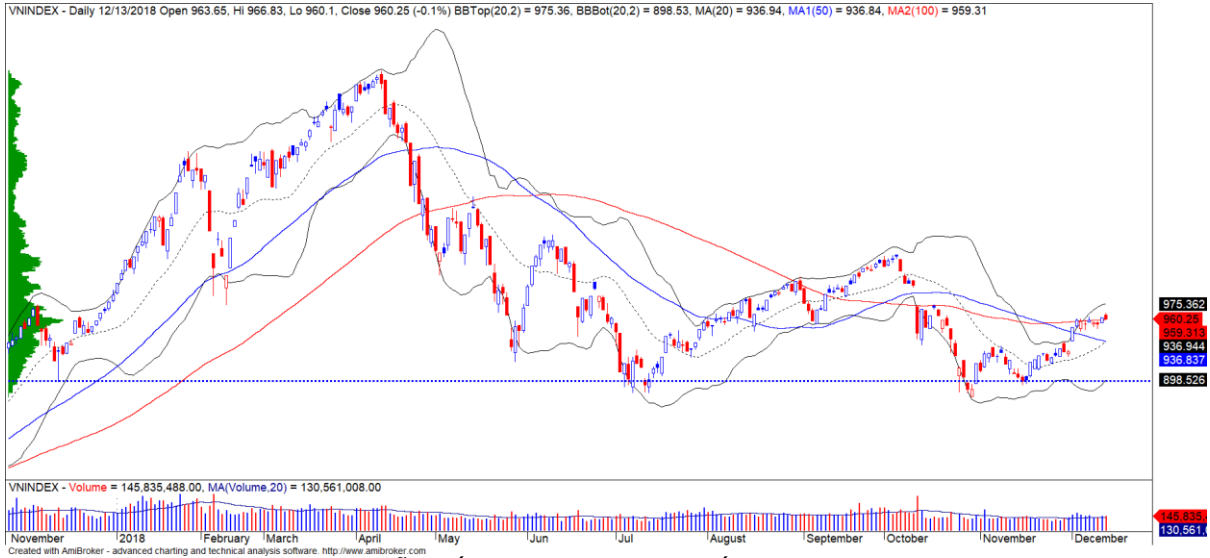


Nguồn: Tổng cục Hải quan; YSVN



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	972	1,025	897	780
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	110	117	100	96
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	946	995	865	768
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	GIẢM	1,020	1,079	925	971
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	815	835	789	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,400	TĂNG	GIẢM	14,800	15,631	10.81%			16,612		
ACB	30,700	TĂNG	GIẢM	29,800	28,935	3.02%			33,291		
ACV	84,300	TĂNG	GIẢM	81,800	78,163	3.06%			86,919		
ANV	30,400	TĂNG	TĂNG	30,200	28,242	0.66%		21,450	25,326	41.72%	
ASM	10,600	TĂNG	GIẢM	11,200	10,173	-5.36%			12,219		
BFC	25,900	TĂNG	GIẢM	26,450	25,485	-2.08%			28,746		
BHN	82,500	GIẢM	GIẢM		86,522				97,261		
BID	34,300	TĂNG	TĂNG	32,450	32,022	5.70%		33,400	29,888	2.69%	
BMP	58,000	TĂNG	GIẢM	58,500	54,416	-0.85%			62,972		
BSR	15,400	GIẢM	GIẢM		15,860				18,175		
BVH	101,000	TĂNG	TĂNG	93,500	96,910	8.02%		86,000	84,274	17.44%	
BWE	25,000	TĂNG	TĂNG	20,900	23,699	19.62%		20,000	20,454	25.00%	
CEO	14,600	TĂNG	GIẢM	13,800	13,360	5.80%			14,906		
CHP	21,000	GIẢM	GIẢM		21,637				22,912		
CSM	15,050	GIẢM	TĂNG		15,406			14,390	13,911	4.58%	
CTD	159,400	TĂNG	GIẢM	151,500	151,743	5.21%			164,807		
CTG	23,150	TĂNG	GIẢM	23,050	22,839	0.43%			25,893		
CTI	24,100	TĂNG	GIẢM	24,400	23,466	-1.23%			26,512		
CVT	23,150	TĂNG	GIẢM	23,350	22,313	-0.86%			26,095		
DCM	10,400	TĂNG	GIẢM	10,000	10,038	4.00%			10,704		
DGW	24,400	TĂNG	TĂNG	25,200	23,815	-3.17%		27,500	23,622	-11.27%	
DHA	30,750	TĂNG	TĂNG	30,300	29,997	1.49%		29,100	27,163	5.67%	
DIG	16,300	TĂNG	GIẢM	15,400	15,056	5.84%			17,064		
DHC	32,800	GIẢM	TĂNG		34,465			44,600	29,901	-26.46%	
DHG	82,500	GIẢM	GIẢM		84,928				92,641		
DGC	48,700	GIẢM	GIẢM		51,118				52,481		
DPG	52,600	TĂNG	TĂNG	48,250	48,764	9.02%		52,000	42,364	1.15%	
DPM	20,850	TĂNG	TĂNG	18,800	20,652	10.90%		19,400	18,275	7.47%	
DPR	36,750	TĂNG	TĂNG	35,300	35,594	4.11%		35,950	35,937	2.23%	MUA
DQC	26,700	GIẢM	TĂNG		28,267			31,000	26,186	-13.87%	
DRC	22,950	TĂNG	GIẢM	23,000	21,411	-0.22%			24,952		
DXG	25,850	TĂNG	GIẢM	26,150	24,616	-1.15%			29,079		
ELC	7,900	GIẢM	GIẢM		8,048				9,028		
FCN	16,550	TĂNG	TĂNG	15,900	15,788	4.09%		17,700	13,908	-6.50%	
FIT	2,900	GIẢM	GIẢM		3,116				3,694		
FMC	30,000	GIẢM	TĂNG		30,993			24,700	26,427	21.46%	
FPT	44,600	TĂNG	GIẢM	42,900	43,652	3.96%			46,495		
GAS	97,100	TĂNG	GIẢM	97,000	91,961	0.10%			108,844		
GEX	25,450	TĂNG	GIẢM	26,200	24,741	-2.86%			29,019		
GIL	36,000	GIẢM	TĂNG		37,682			34,900	34,848	3.15%	
GMD	28,900	GIẢM	TĂNG		29,240			27,300	25,116	5.86%	



We Create Fortune

GTN	10,750	TĂNG	GIẢM	10,550	10,631	1.90%		11,796	
HAG	5,200	GIẢM	GIẢM		5,373			6,273	
HAX	16,300	TĂNG	GIẢM	16,550	15,693	-1.51%		18,209	
HBC	20,100	TĂNG	GIẢM	19,900	19,031	1.01%		22,353	
HDB	30,600	TĂNG	GIẢM	30,900	29,620	-0.97%		35,417	
HNG	16,700	TĂNG	TĂNG	15,450	16,206	8.09%	8,200	14,249	103.66%
HPG	34,000	GIẢM	GIẢM		35,265			39,479	
HSG	7,360	TĂNG	GIẢM	7,250	6,909	1.52%		9,322	
HT1	15,250	TĂNG	TĂNG	12,950	13,801	17.76%		14,380	
HUT	4,300	GIẢM	GIẢM		4,564			5,326	
HVN	34,600	TĂNG	GIẢM	33,000	32,429	4.85%		37,369	
ITD	11,200	TĂNG	TĂNG	11,000	10,517	1.82%	12,400	10,580	-9.68%
KBC	14,500	TĂNG	TĂNG	12,550	13,729	15.54%	13,450	11,580	7.81%
KDH	30,750	TĂNG	GIẢM	29,500	29,775	4.24%		32,650	
KSB	28,400	TĂNG	GIẢM	29,000	27,678	-2.07%		32,228	
LCG	8,590	GIẢM	TĂNG		8,778		9,390	8,579	-8.52%
LDG	16,350	TĂNG	GIẢM	15,950	15,459	2.51%		18,940	
LIX	50,000	TĂNG	TĂNG	41,200	48,706	21.36%	44,400	48,242	12.61%
LPB	9,700	TĂNG	GIẢM	9,500	9,540	2.11%		10,601	
LSS	6,710	GIẢM	TĂNG		7,163		7,890	6,353	-14.96%
MBB	22,200	TĂNG	GIẢM	21,550	21,685	3.02%		23,846	
MPC	45,200	GIẢM	TĂNG		47,145		46,700	40,579	-3.21%
MSN	87,100	TĂNG	GIẢM	84,600	82,487	2.96%		90,176	
MSR	21,200	TĂNG	TĂNG	22,400	20,617	-5.36%	19,884	17,837	6.62%
MWG	89,000	TĂNG	GIẢM	85,800	85,584	3.73%		92,518	
NKG	8,260	TĂNG	GIẢM	8,130	7,692	1.60%		10,241	
NLG	28,700	TĂNG	GIẢM	29,100	27,881	-1.37%		31,565	
NT2	26,150	TĂNG	GIẢM	24,900	25,009	5.02%		26,612	
NTL	16,100	TĂNG	TĂNG	10,000	15,665	61.00%	10,450	13,122	54.07%
NTP	42,000	GIẢM	GIẢM		44,157			49,505	
PAC	40,300	GIẢM	GIẢM		43,367		44,100	40,605	-7.92%
PC1	23,400	TĂNG	GIẢM	23,500	21,917	-0.43%		25,195	
PDR	27,600	TĂNG	GIẢM	27,500	26,322	0.36%		28,768	
PGC	14,300	GIẢM	GIẢM		14,613			15,410	
PHR	30,500	TĂNG	TĂNG	29,300	28,563	4.10%	24,000	26,811	27.08%
PNJ	98,900	TĂNG	TĂNG	98,000	93,525	0.92%	103,900	91,800	-4.81%
PLX	61,000	TĂNG	GIẢM	61,000	58,368	0.00%		66,270	
POW	15,400	TĂNG	GIẢM	14,300	14,522	7.69%		16,115	
PPC	18,450	TĂNG	GIẢM	18,100	17,723	1.93%	19,700	19,639	-0.31%
PTB	65,700	TĂNG	TĂNG	63,000	62,455	4.29%	64,000	56,808	2.66%
PVS	20,500	TĂNG	GIẢM	19,000	19,101	7.89%		22,123	
PVD	17,300	TĂNG	GIẢM	16,800	15,946	2.98%		19,341	
PVI	32,300	TĂNG	TĂNG	32,900	30,946	-1.82%	33,000	30,008	-2.12%
PXS	5,200	TĂNG	GIẢM	5,450	5,022	-4.59%		6,306	
QNS	44,500	TĂNG	TĂNG	42,700	42,127	4.22%	41,500	3,873	7.23%
RAL	84,100	GIẢM	GIẢM		87,830			98,946	

We Create Fortune

REE	32,850	TĂNG	GIẢM	32,600	32,130	0.77%			34,681		
SAB	250,200	TĂNG	TĂNG	208,000	241,072	20.29%		245,000	222,195	2.12%	
SAM	6,880	TĂNG	GIẢM	7,090	6,765	-2.96%			7,578		
SBV	14,600	GIẢM	GIẢM		15,510				19,620		
SCR	8,240	TĂNG	GIẢM	8,070	7,785	2.11%			8,940		
SHI	6,680	TĂNG	TĂNG	6,680	6,649	0.00%	MUA	6,990	5,879	-4.43%	
SJS	15,200	GIẢM	GIẢM		15,854				17,932		
SKG	17,100	GIẢM	GIẢM		17,430				19,471		
SSI	29,700	TĂNG	GIẢM	29,650	28,491	0.17%			32,215		
STB	12,900	TĂNG	GIẢM	12,800	12,212	0.78%			13,932		
SVC	44,500	GIẢM	GIẢM		45,638				47,578		
TCB	28,700	TĂNG	GIẢM	27,200	27,209	5.51%			N/A		
TCM	25,400	GIẢM	GIẢM		25,689				29,332		
TDH	10,900	TĂNG	GIẢM	10,850	10,062	0.46%			11,745		
TLH	5,970	TĂNG	GIẢM	6,200	5,850	-3.71%			6,810		
TMT	8,840	GIẢM	TĂNG		9,524			9,290	8,746	-4.84%	
TNG	19,400	GIẢM	TĂNG		19,669			12,000	15,302	61.67%	
TYA	10,500	TĂNG	GIẢM	10,900	10,097	-3.67%			11,557		
VCB	57,600	TĂNG	GIẢM	58,000	54,896	-0.69%			61,169		
VCG	20,800	TĂNG	TĂNG	20,300	19,193	2.46%		19,200	16,199	8.33%	
VFG	41,000	TĂNG	TĂNG	36,800	39,324	11.41%		34,394	34,521	19.21%	
VGC	17,900	TĂNG	GIẢM	16,300	16,451	9.82%			18,454		
VHC	103,000	GIẢM	TĂNG		106,276			69,300	91,531	48.63%	
VHM	80,300	TĂNG	TĂNG	69,000	76,517	16.38%		80,000	79,422	0.37%	MUA
VIB	19,700	GIẢM	GIẢM		19,799				21,285		
VIC	102,800	TĂNG	GIẢM	96,400	98,989	6.64%			104,386		
VIP	7,100	GIẢM	GIẢM		7,264				7,294		
VJC	129,500	TĂNG	GIẢM	132,500	128,517	-2.26%			146,201		
VNM	135,000	TĂNG	TĂNG	120,100	128,879	12.41%		133,900	130,063	0.82%	MUA
VPB	22,450	TĂNG	GIẢM	21,700	21,227	3.46%			24,014		
VPI	42,600	GIẢM	N/A		43,264				6,914		
VRC	21,100	GIẢM	TĂNG		21,975			19,350	20,785	9.04%	
VRE	32,700	TĂNG	GIẢM	30,700	31,321	6.51%			34,506		
VSC	44,700	TĂNG	GIẢM	42,000	41,843	6.43%			45,128		
VSH	16,900	TĂNG	TĂNG	17,400	16,731	-2.87%		17,400	16,642	-2.87%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	960.25	-0.11%
VN30	928.90	0.13%
VN Mid	976.84	-0.03%
VN Small	814.45	0.04%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	107.30	-0.35%
HN30	195.56	-0.08%
VNX AllSh	883.48	0.13%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.87	0.52%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	788.76	
Bán	829.05	
GT rỗng	(40.29)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	45.67	
Bán	20.32	
GT rỗng	25.35	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	43.54	
Bán	13.30	
GT rỗng	30.24	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVT	490	6.91%
ITA	170	5.61%
HAH	600	4.41%
TCM	1050	4.31%
SBT	800	3.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	2900	3.90%
TNG	400	2.11%
CEO	300	2.10%
NDN	200	1.65%
VGC	200	1.13%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GEG	700	4.64%
VEA	1400	3.77%
ACV	3000	3.69%
MPC	900	2.03%
VGT	200	1.67%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PAC	-1,798	-4.27%
HVG	-180	-3.31%
PME	-1,700	-2.54%
GTN	-250	-2.27%
STK	-400	-2.20%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-200	-4.44%
VCG	-500	-2.35%
VC3	-500	-2.22%
SHB	-100	-1.30%
PLC	-200	-1.20%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEF	-1000	-1.04%
LPB	-100	-1.02%
DVN	-100	-0.63%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	306,396	
VHM	257,913	
GAS	229,483	
VNM	223,773	
VCB	215,506	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,909	
VCS	13,248	
SHB	9,986	
PVS	9,336	
VCG	8,083	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	175,855	
MCH	52,454	
BSR	52,305	
HVN	50,544	
VGI	49,415	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	Chg%
ITA	11.65	5.61%
STB	8.93	1.57%
ASM	6.85	0.95%
MBB	6.76	-1.33%
HPG	6.72	1.19%

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	Chg%
SHB	4.01	-1.30%
PVS	3.40	-0.49%
VCG	3.34	-2.35%
VGC	3.31	1.13%
MSC	3.22	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	Chg%
LPB	6.24	-1.02%
PRT	2.20	0.00%
BSR	1.29	0.00%
POW	0.90	0.65%
VEA	0.59	3.77%

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

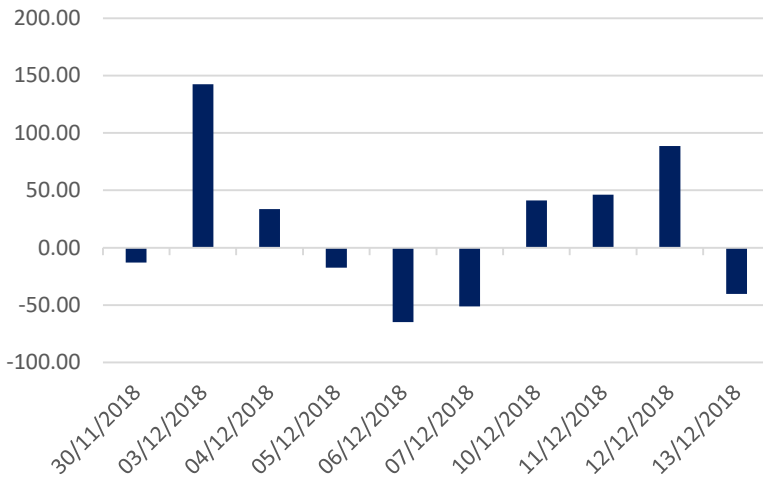
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

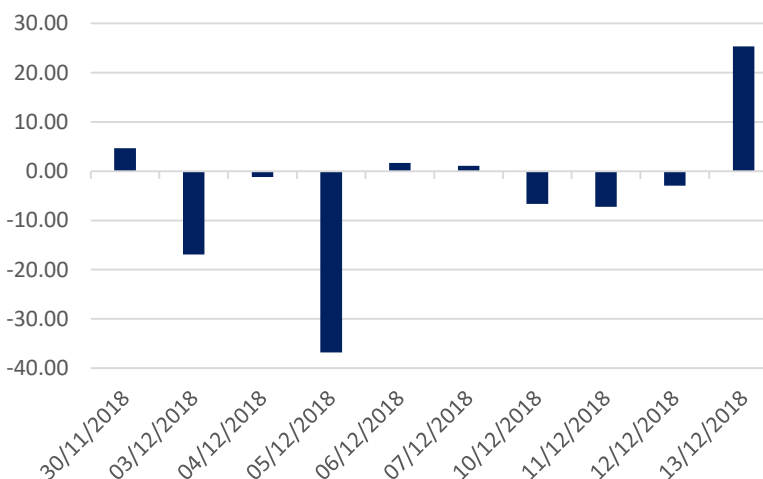
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
E1VFN30	51,869	HPG	(44,194)
VSC	24,019	CTG	(38,104)
VNM	24,013	VIC	(24,790)
SSI	18,731	VJC	(18,339)
MSN	15,477	VHC	(16,567)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

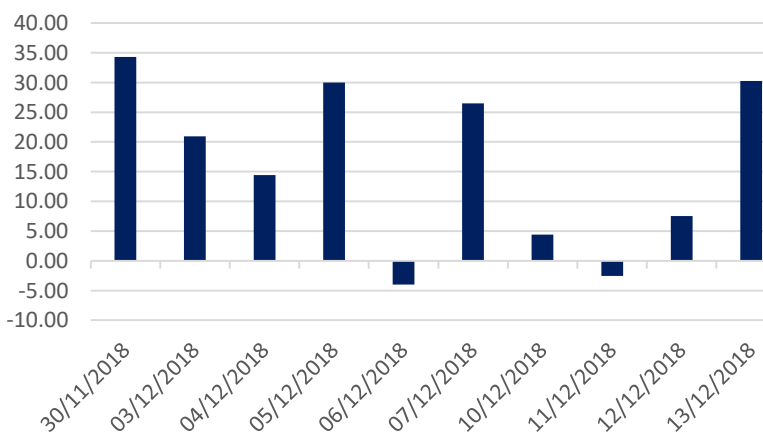
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	18,736	VC3	(5,380)
CEO	14,489	NRC	(3,444)
VGC	933	SHS	(434)
S55	360	TV2	(258)
VCS	308	NDN	(221)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
Upcom



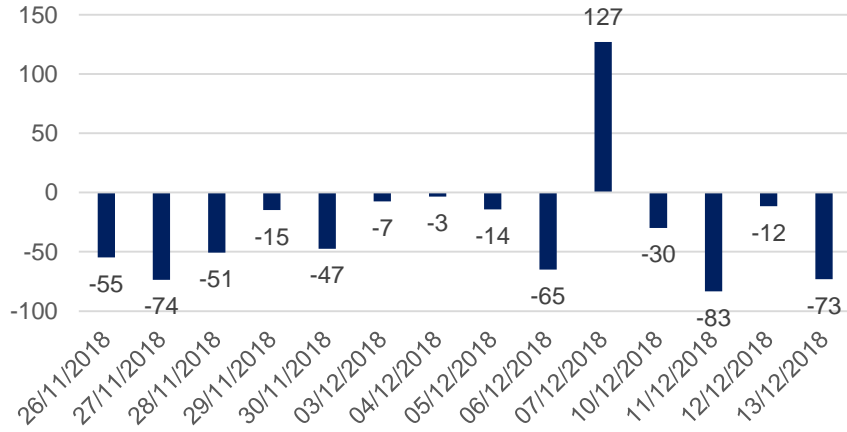
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	14,692	BSR	(7,119)
QNS	9,940	ACV	(3,839)
POW	9,317	MSR	(273)
HVN	2,511	MPC	(22)
BCM	1,036	VGI	(11)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

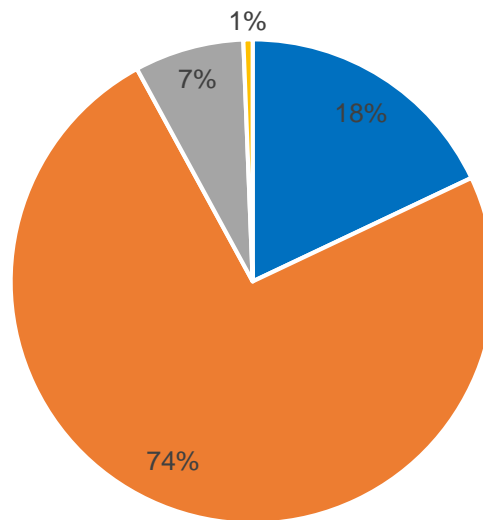


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
TCB	12,819	E1VFN30	59,871
MWG	5,548	PME	53,451
VIC	4,921	PTB	3,642
E1VFN30	4,596	CTG	1,869
VNM	3,562	MSN	1,651

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



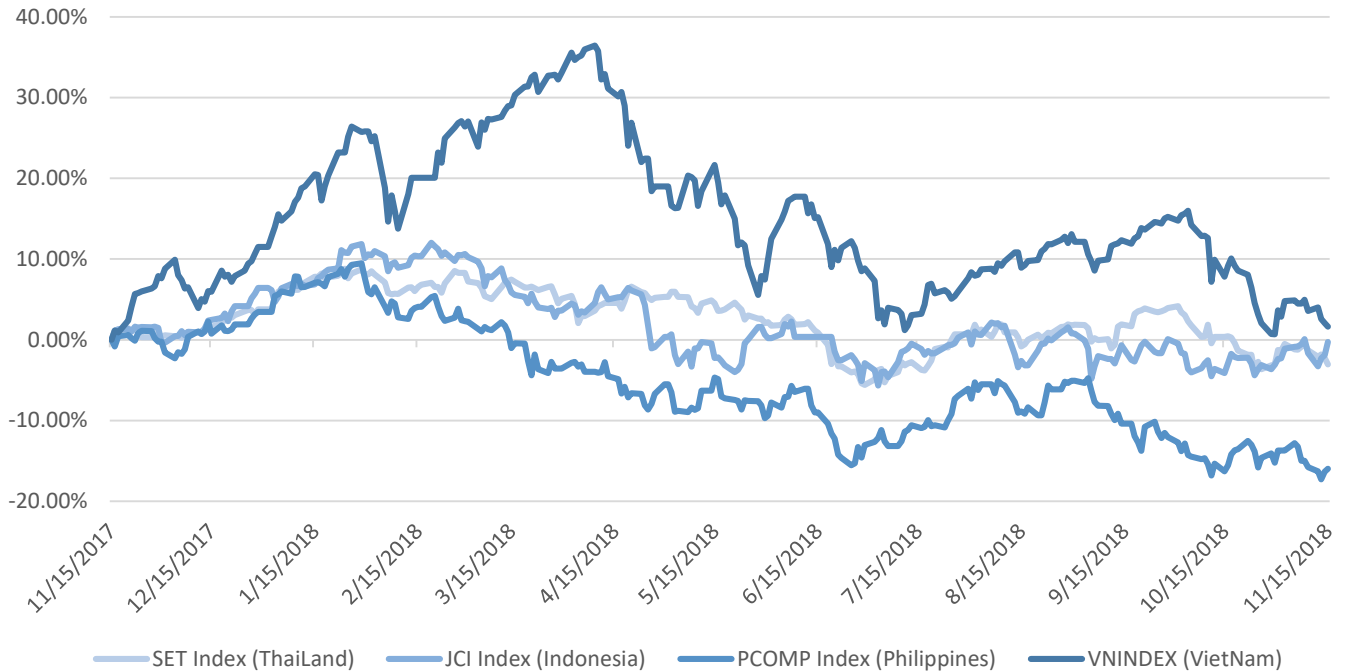
■ Tổ chức nước ngoài
 ■ Cá nhân trong nước
 ■ Tổ chức trong nước
 ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

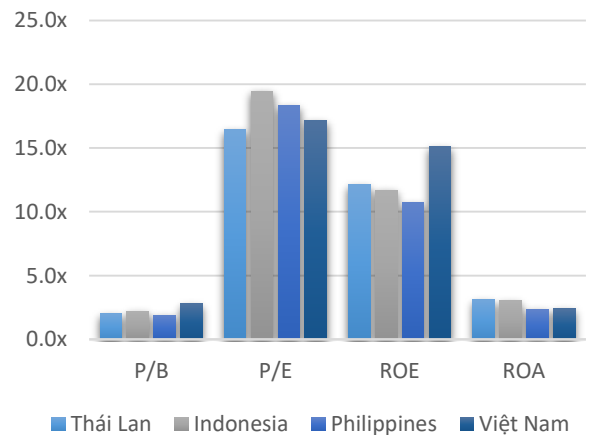
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written